

Đạo Sống Của Dân Tộc Việt Nam

(Sóc Vui Vẻ – Nguyễn Đức Lập)

Nhiều người vẫn cho rằng người Việt Nam chúng ta không có triết lý sống.

Quan niệm này có thể đúng theo cái nhìn dưới lăng kính của người Tây phương, triết lý là một hệ thống lý luận, tư tưởng được viết thành văn, có chương, có mục.

Nhưng, quan niệm này hoàn toàn sai lạc nếu nhìn vào lịch sử 4000 năm, nhìn vào những phong tục tập quán, những nề nếp của gia đình và xã hội của dân tộc.

Dân tộc Việt Nam không có một triết lý sống được viết thành văn, nhưng có một đạo sống, giá trị không thua bất cứ một triết lý sống nào. Nhờ đạo sống này mà dân tộc Việt đã gìn giữ và mở mang đất nước hơn suốt 4000 năm qua, đã gìn giữ được phong tục tập quán, đã xác định được tính đặc thù của dân tộc, hoàn toàn khác biệt với Hán tộc phương Bắc. Nhờ đạo sống này mà hơn một ngàn năm bị đô hộ bởi người Tàu, Việt tộc không bị mất tiếng nói.

Đạo sống của Việt tộc, có thể tóm tắt trong ba điều chính:

- **Ơn ông bà**
- **Nợ đất nước**
- **Nghĩa đồng bào**

I - Ơn ông bà:

Theo nghĩa hẹp, ông bà là người sinh ra cha mẹ ta.

Một nghĩa nói rộng hơn, ông bà là những thế hệ tiền nhân, ông bà là những thế hệ tiền nhân trong một dòng họ.

Rộng hơn hết, ông bà là tất cả những thế hệ tiền nhân, từ thế hệ lập quốc đến tận sau này của dân tộc.

Việt tộc chúng ta vẫn tự hào là con Rồng cháu Tiên. Vậy thì Lạc Long Quân và Âu Cơ là ông tổ, bà tổ của dân tộc.

Đất nước chúng ta được khai sáng bởi Hùng Vương, vậy thì Hùng Vương là ông tổ chung cho cả nước.

Trứng rồng lại nở ra rồng

Liu điu lại nở ra dòng liu điu

Hay là

Trứng rồng lại nở ra rồng

Hạt thông lại nở cây thông rườm rà.

Bởi vì phát sinh ra từ con Rồng cháu Tiên, bởi vì có chung một ông tổ là Hùng Vương, nên trải qua 4000 năm, dân tộc chúng ta, đời nào, giai đoạn nào, cũng sản xuất ra những anh hùng, anh thư gìn giữ và mở mang bờ cõi.

Ngay từ nhỏ, con trẻ Việt Nam, đã được dạy:

Có cha sinh mới có ta

Làm nên là bởi mẹ cha vun trồng.

Từ cha Lạc Long Quân, mẹ Âu cơ, từ quốc tổ Hùng Vương, những người con Việt tộc đã “*làm nên*”, đã để lại những sự nghiệp lớn.

Sử sách đã lưu truyền lại danh tánh của biết bao ông bà lớp trước, như hai bà Trưng, bà Triệu, Ngô Vương Quyền, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Trương Công Định, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu...

Trong lĩnh vực giáo dục văn chương, sử sách cũng đã lưu truyền lại tên tuổi của những ông bà Chu Văn An, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Trãi, Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu...

Những tên tuổi này, ngày nay, chúng ta không thể nào kể cho hết, hoặc cho đủ được.

Bên cạnh đó là những ông bà vô danh. Những tiền nhân này đã hiện diện, đã đóng góp công lao, trong tất cả mọi giai đoạn của đất nước, từ giai đoạn lập quốc, đến giai đoạn mở rộng đất nước tới tận mũi Cà Mau.

Mỗi một tấc đất của nước Việt là máu là xương, của tiền nhân, chôn chặt từ hết thế hệ này đến thế hệ khác. Cứ nghĩ đến điều này, chúng ta sẽ thấy công ơn của ông bà đối với chúng ta vĩ đại như thế nào.

Đạo nhớ ơn ông bà của Việt tộc đã thể hiện qua tục thờ cúng ông bà, nếu ở trong một gia đình, và tục thờ thần ở các làng xã, ở các địa phương. Với tục thờ cúng này, người Việt đã nhớ ơn các anh hùng, anh thư, liệt nữ, nghĩa sĩ đã đóng góp công lao cho dân cho nước.

Ở miền bắc không thôi, đã có trên 60 đền thờ hai bà Trưng và các tướng đã tham gia cuộc khởi nghĩa của hai bà. Điều này cho thấy rõ lòng nhớ ơn ông bà trở thành một đạo sống của dân tộc.

Những nhân vật tạo dựng một làng, thành lập một địa phương cũng được thờ phượng như những Tiên Hiền, Kê Hiền, Hậu Hiền...

Trong một gia đình đứa con được dạy:

Cha sanh mẹ dưỡng

Đức cù lao lấy lượng mà đong

Thờ cha mẹ ở hết lòng

Ấy là đạo hiếu dạy trong luân thường.

Vâng lời cha mẹ là hiếu, chăm nuôi kính trọng cha mẹ là hiếu. Nhưng trên hết cả, nối tiếp được ý chí cha mẹ, làm rạng danh cha mẹ, là cách báo hiếu cao nhất.

Bởi vậy, để đền ơn ông bà, dân Việt đã gìn giữ đất nước do ông bà tạo dựng ra và tiếp nối ý chí mở mang đất nước cho thêm rộng của ông bà. Đền ơn ông bà như vậy tự ngàn xưa là một đạo sống của dân tộc.

II - Nợ đất nước:

Đất nước chúng ta thường được gọi là giang sơn hoa gấm, hay giang sơn gấm vóc

Đất nước chúng ta thường được gọi là tiên rừng bạc biển.

Theo quan niệm tam tài của người xưa, trời, đất, và người gọi là ba ngôi và ba ngôi này có liên quan mật thiết với nhau. Con người đã thừa hưởng nguồn lợi từ trời và đất để được sinh tồn.

Người xưa cũng có quan niệm “địa linh nhân kiệt”, nghĩa là đất linh thiêng sinh ra con người hào kiệt.

Nợ đất nước chúng ta có hai chữ “*đất*” và “*nước*”.

Dân tộc chúng ta, tự ngàn xưa, sống bằng nông nghiệp. Và đã sống bằng nông nghiệp, trồng trọt, thu hoạch hoa lợi để mà sống, thì đất và nước là hai yếu tố căn bản, thiết yếu nhất để sống còn. Không có đất, không có nước, không thể có nền kinh tế nông nghiệp.

Bởi vậy người Việt gọi quốc gia là đất nước, sau này, đã đơn giản đi, chỉ còn gọi là nước.

Không có một nơi nào trên thế giới gọi quốc gia của họ là “*đất nước*” hay là “*nước*” hết.

Đất và nước đã gắn liền và nuôi dưỡng dân tộc Việt kể từ thời lập quốc. Đất và nước đã sinh ra một dân tộc oai hùng theo quan niệm “*địa linh, nhân kiệt*”.

Người VN mang nợ đất nước, và biển lòng mang nợ này thành một đạo sống. Bởi mang nợ thì phải lo trả nợ thiêng liêng, lo gìn giữ, phải bảo vệ.

Trên thế giới không có giống dân nào mang nợ đất nước như dân tộc Việt Nam. Nhiều giống dân có thờ thần đất, thần nước nhưng thờ để cho các vị thần này đừng nổi giận gây ra lụt lội, động đất, nạn tai, thờ như là một sự hối lộ chứ không phải mang nợ.

Nhiều giống dân, nhất là các nước tân tiến, coi đất như là một điều kiện khai thác để phát triển kinh tế, không thờ, cũng không mang nợ.

Đất nước như đã nói, còn có nghĩa là quốc gia, là lãnh thổ mình đang sống. Mang nợ đất nước cũng là mang nợ quốc gia đã cưu mang mình, đã tạo ra những điều kiện cho mình sinh sống, đã lưu giữ xương cốt của biết bao thế hệ ông bà mình...

Mang nợ đất nước, khi đất nước bị xâm phạm, bị chiếm giữ, người Việt, qua bao thế hệ, đã gìn giữ, đã đánh đuổi quân xâm lược, lấy lại đất nước. Những cách trả nợ này, được gọi là lòng yêu nước và lòng yêu nước này đã có từ ngàn xưa đối với người Việt Nam. Bởi đó là một đạo sống.

III - Nghĩa đồng bào:

Trên thế giới, không có dân tộc nào gọi nhau là “*đồng bào*”

Đồng bào nghĩa là từ một bọc mà ra, hay từ cùng một bào thai mà ra.

Đồng bào, như vậy, có nghĩa là anh em ruột thịt.

“*Đồng bào*” có gốc tích từ nguồn gốc Rồng Tiên của người Việt Nam.

Theo truyền thuyết, ông tổ Việt tộc là Lạc Long Quân, thuộc giống Rồng, bà tổ của Việt tộc là Âu Cơ, thuộc giống Tiên.

Lạc Long Quân và Âu Cơ kết hôn với nhau, sinh ra một bọc, một trăm trứng, nở ra trăm con. Một hôm Lạc Long Quân bảo Âu Cơ:

- Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên, Rồng ở dưới nước, Tiên ở trên núi, không thể sống đời với nhau được. Vậy 100 con ta chia làm hai...

Thế là “*50 trẻ đình ninh theo mẹ, 50 con ở lại cùng cha*”. 50 con theo Lạc Long Quân về vùng có đất và nước, lập nên nước Việt, và người con đầu là Hùng Vương thứ nhất. 50 con theo Âu Cơ lên miền núi, lập thành các dân tộc miền thượng du.

Bây giờ với tinh thần khoa học, người ta sẽ cho truyền thuyết Rồng Tiên của người Việt là vô lý. Nhưng người Tàu cho rằng thủy tổ của họ gồm 3 người là Thiên Hoàng, Nhân Hoàng và Địa Hoàng, người Nhật vẫn tự hào họ là con cháu của Thái Dương Thần Nữ... cũng hoang đường vậy.

Rồng và Tiên trong truyền thuyết thủy tổ của Việt tộc phải được hiểu như là một biểu tượng.

Rồng tượng trưng cho sức mạnh, cho sự năng biến, năng hóa. Khi yếu thế dấu mình nơi đáy vực, khi cần kết hợp với anh hùng hào kiệt thì bay là đà trên mặt đất cho thiên hạ thấy mình, khi cần tìm một phương hướng hoạt động thì nằm ở miệng vực, quan sát bốn bên, tìm hiểu tình hình thực tế, khi gặp thời cơ thì vươn mình bay lên trời cao. Ông tổ Lạc Long Quân của Việt tộc không phải là một con Rồng, là một người thật, có sức mạnh và có khả năng thích hợp với thời thế như rồng.

Tiên tượng trưng cho sự đẹp đẽ, hiền dịu và khôn ngoan. Bà Âu Cơ của Việt tộc không phải là Tiên nhưng đẹp, hiền dịu và khôn ngoan như Tiên.

Ông tổ, bà tổ chia tay nhau, không phải là phân ly vĩnh viễn, như quan niệm ly dị, ly hôn thời nay, mà chia tay nhau để hướng dẫn các con thành lập đất nước, những người con theo cha, thành lập nước Văn Lang ở vùng đồng bằng giữa hai con sông Hồng Hà và Thái Bình. Những người con theo mẹ, lập nên các bộ tộc thiểu số như Mường, Mán, Dao, Tày...

Trong lịch sử, mỗi khi đất nước bị xâm lăng, ở đồng bằng và ở núi non đã kết hợp lại để chống giặc, đuổi giặc.

Từ truyền thuyết Rồng Tiên, Việt tộc đã coi nhau anh em từ cùng một bụng mẹ mà ra. Tự ngàn xưa người Việt đã cưu mang nhau, giúp đỡ nhau để chống chọi với thiên tai, địch họa. Sự cưu mang, giúp đỡ này biến thành một đạo sống của dân tộc.

Câu tục ngữ: “*Đông có mây, Tây có tao*” nói lên cái đạo sống đó.

Cứ nhìn vào xã hội Việt Nam, chúng ta thấy đạo sống ấy ăn sâu vào lòng dân Việt. Một khi có lụt lội, có hỏa hoạn ở một địa phương nào, những người ở địa phương khác, không cần đợi ai phải ra lệnh, đã tự động hô hào, kêu gọi nhau đóng góp kẻ ít người nhiều, đem đến cứu trợ cho người bị nạn. Mỗi khi nhà nào có biến cố quan trọng, như đám ma, đám cưới, gặp cảnh khó khăn, cả xóm bu lại giúp đỡ; làm hết mọi việc, coi như chính việc nhà của họ. Mỗi khi nhà nào có thú dữ hay ăn cướp tấn công, chỉ cần nghe tiếng mõ báo động nổi lên, hàng xóm vác khí giới ào đến tiếp cứu...

Tất cả những thói quen đó bắt đầu từ nghĩa đồng bào ăn sâu trong lòng mọi người.

Chữ “*Nghĩa*” (viết theo chữ Hán) chiết tự gồm gồm có chữ “*Mỹ*” là đẹp và chữ “*Ngã*” là ta, có nghĩa là ta ăn ở làm sao cho đẹp đối với đồng bào mình.

IV – Kết luận:

Trường quá cố Huỳnh văn Diệp có lần hỏi tôi:

- *Những bà già ở thôn quê, không biết chữ, không biết đọc sách, chưa từng đến trường, vậy mà thường xuyên khuyên con cháu là con làm như vậy không nên. Nhờ vào cái gì mà người phụ nữ thất học đó biết thế nào là nên, thế nào là không nên?*

Giáo sư Trần Văn Quế, dạy trường sư phạm quốc gia ở Sài Gòn trước đây, vẫn luôn luôn nhắc nhở các giáo sinh:

- *Quý thầy, quý cô biết rằng hầu hết dân quê Việt Nam đều thất học, nhưng quý thầy quý cô đừng tưởng là họ thất giáo, tưởng như vậy thì làm chết.*

Thất học là không biết chữ, không có cơ hội cấp sách đến trường, còn thất giáo là sống không có đạo lý. Những người có học, có văn bằng mà sống không có đạo lý vẫn bị coi là thất giáo, dịch nôm na là mất dạy.

Người Việt dùng hai chữ “*mất dạy*” để mắng một người nào là nặng lắm.

Câu hỏi của trường quá cố Huỳnh Văn Diệp, những lời dạy dỗ của giáo sư Trần Văn Quế đã khẳng định cho chúng ta rằng những đạo sống của dân tộc đã ăn sâu vào lòng mọi người Việt Nam, , ăn sâu mà không cần triết lý viết thành văn bản. Nhờ vào những đạo sống ấy, mà người Việt, cho dù là thất học, vẫn biết sống như thế nào cho hợp với đạo lý, sẵn sàng hy sinh thân mình để đáp lại ơn ông bà, nợ đất nước, nghĩa đồng bào.

Hỏi rằng tổ tiên chúng ta ngày xưa, tại sao không những điều này thành sách vở để lưu truyền cho hậu thế.

Chúng ta bị 1000 năm Bắc thuộc. Trong thời gian này, người Tàu đã tìm đủ mọi cách để đồng hóa dân tộc chúng ta, tìm cách để hủy diệt văn hóa chúng ta.

Người Việt phải dấu cái đạo sống của mình trong những câu ca dao, những chuyện cổ tích, để truyền miệng từ người này đến người khác. Nhờ vậy mà đạo sống mới không mất, đạo sống mới ăn sâu trong lòng mọi người, kể cả những người không biết chữ.

Các bạn hướng đạo, trước khi là hướng đạo sinh, chúng ta là người Việt Nam. Chúng ta là hậu duệ của cha rồng mẹ tiên, chúng ta là hậu duệ của tổ Hùng Vương. Dòng máu Việt luôn luân lưu trong huyết quản của chúng ta. Vậy thì, hơn ai hết, chúng ta phải hiểu rõ đạo sống của dân tộc và gìn giữ cái đạo sống này để lưu truyền cho những thế hệ kế tiếp.

Thật là có lỗi với tiền nhân, với đất nước, với đồng bào nếu chúng ta đánh mất đạo sống của dân tộc, để rồi các thế hệ kế tiếp không biết đạo sống này ra sao.